

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 4 - 2020

V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Sáng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Toàn.
Ông Phạm T Châu Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 332/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12 ngày 10/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1976. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/12/2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Ngô Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T1 về chung sống với nhau từ năm 1991, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, anh T1 không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình, chị T nghi ngờ anh T1 ngoại tình nên vợ chồng thường xảy ra cãi, chửi nhau. Quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị T xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với anh T1 được nữa nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng đã có 02 con chung là Nguyễn Thị G, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999. Hiện các con đã khôn lớn, trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Yên xác minh tại chính quyền địa phương hiện nay anh Nguyễn Văn T1 có hộ khẩu tại thôn L, xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái. Tòa án đã nhiều lần báo gọi, gửi thông báo cho anh T1, anh T1 đều nhận được nhưng không có mặt tại Tòa án mà không có lý do gì. Vì vậy không tiến hành hòa giải được. Tại biên bản xác minh ngày 07/01/2020 ông Hoàng Anh T – Trưởng thôn L, xã P cho rằng: Anh T1 và chị T về chung sống với nhau từ năm 1991, vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sinh sống hạnh phúc. Thời gian gần đây vợ chồng có xảy ra cãi nhau, mấy tháng nay không thấy vợ chồng ở cùng nhau nữa. Vợ chồng chị T và anh T1 có 02 người con chung là Nguyễn Thị G, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999. Hiện các cháu đã khôn lớn, trưởng thành, đi xây dựng gia đình riêng. Nay chị T xin ly hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Cũng tại văn bản số 25 ngày 25/10/2019 Ủy ban nhân dân xã P xác nhận chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn T1 là vợ chồng và đã có 02 người con chung nhưng không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn T1. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị T không yêu cầu nên không xem xét. Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn T1 là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Các văn bản tố tụng được Tòa án tổng đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ tại địa phương. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T1. Việc hoãn các phiên tòa ngày 10/3/2020 và ngày 10/4/2020 đều được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T1 xây dựng gia đình với chị Ngô Thị T từ năm 1991 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn, vợ chồng sinh được 2 người con chung là Nguyễn Thị G, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P xác định anh T1 và chị T hiện đang sinh sống tại thôn L, xã P; kiểm tra hồ sơ đăng ký kết hôn lưu giữ tại xã thì anh T1 và chị T không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Như vậy giữa anh Nguyễn Văn T1 và chị Ngô Thị T chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Để góp phần xây dựng, hoàn thiện, bảo vệ chế độ hôn nhân, gia đình tiên bộ, Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện...”; “Trong

trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Trong vụ án này anh Nguyễn Văn T1 và chị Ngô Thị T về chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó cần phải áp dụng những quy định trên để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn T1.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn T1 có 02 con chung là Nguyễn Thị G, sinh năm 1993 và Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999, hiện cháu Giang đã xây dựng gia đình riêng, các con đều đã trưởng thành. Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003380 ngày 05/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND, THADS huyện;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Sáng